

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28 - 07 - 2022.

V/v: “T/c ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Duy Mạnh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Giang và ông Đinh Ngọc Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1975.

**- Bị đơn:** Anh Đặng Văn K, sinh năm: 1973.

Cùng thường trú tại: Ấp ĐT, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Thôn BH, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị V đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2022 và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:**

Chị Nguyễn Thị V và anh Đặng Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang vào năm 2007.

Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xung khắc với nhau. Anh K nhậu nhẹt say xỉn tìm cơ gây chuyện và đánh đập chị. Tình yêu thương vợ chồng dành cho nhau

không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V đề nghị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị V và anh K có 01 con chung Đặng Chí T, sinh ngày 07/02/2008. Khi ly hôn, chị V đề nghị giao cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Chí T để thuận tiện việc sinh hoạt, học tập của cháu; chị V tự nguyện cấp dưỡng tiền cho anh K nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị V cam kết vợ chồng không có nợ chung.

***\* Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử anh Đặng Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng anh K vẫn không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.***

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

*Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Đặng Văn K. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đặng Chí T, sinh ngày 07/02/2008 và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con của chị V với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khai không có; bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải nộp án phí DSST về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về tố tụng dân sự:

[1.1] Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn K hiện đang cư trú tại thôn BH, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai và tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Đặng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

### 2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đặng Văn K là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi chị Nguyễn Thị V đoàn tụ với anh K nhưng chị V vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đặng Văn K đến Tòa án để làm việc, vận động hàn gắn mâu thuẫn giữa chị V, anh K nhưng anh K không chấp hành, cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng, chứng tỏ anh K cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của anh chị.

Tại biên bản hỏi ý kiến của cháu Đặng Chí T thể hiện: “*Cha mẹ cháu không còn ở chung nhà với nhau khoảng 01 năm nay, cháu thường chứng kiến ba cháu chửi, đánh mẹ cháu*”.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đặng Văn K đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Đặng Văn K.

### 2.2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị V đề nghị giao con chung chưa thành niên là Đặng Chí T, sinh ngày 07/02/2008 cho anh Đặng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn K không có tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Mặt khác, cháu Tài hiện đang ở với anh K và cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng anh K để thuận tiện cho việc học tập. Do đó, tiếp tục giao cho anh Đặng Văn K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Chí T là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị V không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho anh Đặng Văn K nuôi con chung. Mức cấp dưỡng tùy thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Anh Đặng Văn K không có tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị V tự nguyện cấp dưỡng với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

### 2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đặng Văn K không có

tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị V trình bày không có, anh Đặng Văn K không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị V phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Đặng Văn K.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Đặng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Chí T, sinh ngày 07/02/2008;

Chị Nguyễn Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho anh Đặng Văn K nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 28/7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị V.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu

cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị V phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000908 ngày 08/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị V phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS. huyện Trảng Bom;
- UBND thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- ( GCNKH số 103 ngày 09/7/2007);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Duy Mạnh**

